

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH QU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2025/ HNGĐ-ST
Ngày: 27 -3-2025
V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B - QU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thuỳ Hương và ông Võ Đình Vang

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Hàn - Thư ký Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Qu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Ông Lưu Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Qu tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 07/2025/TLST - HNGĐ ngày 21/01/2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị L**, sinh năm 1991

Nơi cư trú: Thôn T, xã L, huyện B, tỉnh Qu. Có mặt.

Bị đơn: **Anh Nguyễn Văn H**, sinh năm 1980

Nơi cư trú: Thôn T, xã L, huyện B, tỉnh Qu. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26/3/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: chị và anh Nguyễn Văn H có quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 17/7/2009 tại Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) xã L, huyện B, tỉnh Qu. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được khoảng 02 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã khiến cuộc sống hết sức căng thẳng nên sau hai tháng sống chung chị L đã quyết định về nhà mẹ đẻ sinh sống, từ đó cho đến nay vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm chăm sóc gì đến nhau nữa. Nay, cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không tồn tại,

mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L đề nghị Toà án giải quyết xin ly hôn anh Nguyễn Văn H để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị L trình bày quá trình chung sống vợ chồng anh chị không có tài sản chung cũng như nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Văn H nhiều lần nhưng anh đều vắng mặt không có lý do. Qua xác minh bà Mai Thị Nhì là mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn H cho biết bà là người trực tiếp nhận các giấy tờ, tài liệu Tòa án gửi cho con trai bà là Nguyễn Văn H. Sau khi nhận được các văn bản trên thì bà đã giao và thông báo lại cho con trai bà là anh H biết sự việc chị L làm đơn xin ly hôn nhưng anh H do bận việc nên không thể đến Tòa án, anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt vì vợ chồng anh chị không còn tình cảm, sống ly thân cũng đã gần 15 năm nay hơn nữa vợ chồng anh chị cũng không có con chung hay tài sản chung gì.

Ngày 25/02/2025, Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 10/3/2025, đã tiến hành tổng đạt quyết định cùng giấy triệu tập đến phiên tòa cho anh H có mẹ của anh H là bà Nhì nhận thay và cam đoan giao lại cho anh H. Tại phiên tòa ngày 10/3/2025 bị đơn anh Nguyễn Văn H vắng mặt nên Hội đồng xét xử Quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa lần 2, anh H tiếp tục vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện B phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình; còn bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn trong vụ án mặc dù đã nhận và đã biết được các thủ tục thông báo của Tòa án. Ngày 10/3/2025, Tòa án đã tiến hành mở phiên tòa nhưng anh H vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử đã ra quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa lần 2, anh H vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến đối với yêu cầu của chị L, thể hiện bị đơn cố tình vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, hai bên đã sống ly thân nên tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 2

Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để xử: Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn H; về quan hệ con chung: không xem xét; về quan hệ tài sản và nợ chung: không xem xét. Về án phí: chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị L và các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện. Tòa án xác định đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Qu theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự. Quá trình chuẩn bị xét xử bị đơn anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Ngày 10/3/2025, Toà án đã tiến hành mở phiên toà lần thứ nhất nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử đã ra quyết định hoãn phiên toà. Tại phiên toà lần 2, bị đơn vắng mặt không có lý do thể hiện bị đơn cố tình vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn H.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện B, tỉnh Qu ngày 17/7/2009 nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống được hai tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xảy ra cãi vã, tháng 10 năm 2009 chị L đã về nhà mẹ đẻ sinh sống từ đó cho đến nay anh chị đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc gì đến nhau nữa. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, cuộc sống chung không tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Nguyễn Thị L trình bày không có nên Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí vụ kiện: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn H.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

3. Về quan hệ con chung: không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về quan hệ tài sản chung và công nợ chung: không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

5. Về án phí vụ kiện: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Qu theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002808 ngày 21 tháng 01 năm 2025, chị L đã nộp đủ án phí vụ kiện.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện B;
 - Chi cục THADS huyện B;
 - TAND tỉnh Qu;
 - UBND xã L
- Số giấy CNKH 35 ngày 01/9/2017
tại UBND xã L;
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị H Thắm